

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117 /2020/HSST
Ngày 30/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đ T M N.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông N M T và bà L T T T

- Thư ký phiên tòa: Ông P T H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Đ T P - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: V M K - Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nam;

Sinh ngày 22/5/1988, tại thành phố C, tỉnh Q;

Nơi cư trú: Tổ 5, khu 7, phường C T, thành phố C, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: V Đ C; Họ tên mẹ: Đ T N; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 02 tiền án.

+ Ngày 13/4/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Q xử phạt 27 tháng tù về các tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Chấp hành xong ngày 21/8/2016.

+ Ngày 24/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 08/10/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 04/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

2. Họ và tên: P V K - Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nam;

Sinh ngày 03/02/1975, tại thành phố C, tỉnh Q;

Nơi cư trú: Tổ 1, khu 2, phường C P, thành phố C, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên bố: P V M; họ tên mẹ: L T C; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 01 tiền án

+ Ngày 10/9/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Q xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 18/10/2019.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/10/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 03/3/2008.

Bị cáo đầu thú ngày 04/3/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Họ và tên: N P H - Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nam;

Sinh ngày 10/8/1980, tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn Đ T, xã Đ X, huyện V Đ, Q;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: N V L; Họ tên mẹ: V T B; Có vợ: T T T - Sinh năm 1979; bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án: Có 01 tiền án

+ Ngày 02/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện V Đ, tỉnh Q xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 04/8/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 19/3/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Chị N T H - sinh năm 1971; nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phố T N, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Q. Vắng mặt. Có đơn xin xử án vắng mặt.

- Anh V M H - sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Tổ 1, khu 8 phường C P, thành phố C, tỉnh Q. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh P V C – sinh năm 1968; nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phố T N, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xử án vắng mặt.

- Chị P T T- sinh năm 1979; nơi ĐKHKTT: Tổ 1, khu 6B, phường C, thành phố C, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Chị Đ T N – sinh năm 1966; nơi ĐKHKTT: Tổ 5, khu 7, phường C, thành phố C, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh B V D – sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Tổ 2, khu 5B, phường C, thành phố C, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Anh B C N – sinh năm 1966; nơi ĐKHKTT: Số 56, phố H T, quận H K, thành phố H N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 05/01/2020, N P H đến nhà V M K rủ K đi trộm cắp tài sản. K đồng ý và điều khiển xe mô tô Honda Wave, biển số 30H8-0642, chở H đến khu vực Quốc lộ 1, đoạn thuộc tổ 4, khu N T, phường C B, thành phố C, tỉnh Q, thì phát hiện một chiếc xe ô tô tải biển số 14C-155.18 của chị N T H đang đỗ trên vỉa hè, không có người trông coi. Khi đến cách đầu xe ô tô khoảng 1,5 mét, thì H ngồi trên xe mô tô để cảnh giới, còn K đến gần cửa bên phải xe ô tô và nhặt một viên đá ở lề đường, đập vỡ kính chắn gió. Do gây tiếng động lớn, sợ bị phát hiện nên K và H lên xe bỏ chạy. Sau khi thấy không bị ai phát hiện, K điều khiển xe chở H quay lại. H đến cửa xe ô tô rút chốt, mở cánh cửa bên phải và lấy trộm một chiếc túi xách bên trong xe ô tô, rồi cùng K đi xuống khu vực tập kết rác thải gần hồ Bến Do, thuộc tổ 3, khu 6C, phường C, thành phố C. K và H kiểm tra trong chiếc túi xách trộm cắp được có 650.000 đồng, 20 chiếc thẻ điện thoại mệnh giá 50.000 đồng (chưa sử dụng), 01 chiếc ví giả da, một số giấy tờ cá nhân và đồ trang điểm. K và H lấy tiền và 20 chiếc thẻ điện thoại, còn lại vứt hết vào bãi rác, rồi cùng đến quán cầm đồ Xuân Thủy ở tổ 2, khu 5B, phường C, thành phố C, bán 20 chiếc thẻ điện thoại trộm cắp được cho anh B V D được số tiền 800.000 đồng. K và H chia nhau mỗi người 725.000 đồng, rồi K chở H về nhà.

Đến khoảng 13 giờ ngày 28/02/2020, K điều khiển xe mô tô Honda Wave, biển số 30H8-0642, chở P V K đến Trung tâm điều trị Methadone ở phường C T, thành phố C để xin thuốc, sau đó K và T đi về. Khi đi qua đoạn đường dân sinh thuộc tổ 1, khu M H, phường C B, thành phố C, thì thấy một chiếc xe ô tô tải màu trắng, biển số 14C-276.37 (do anh V M H được giao quản lý), đang đỗ trên đường, không có người trông coi, nên K bảo T cảnh giới để K trộm cắp bình ắc quy của xe ô tô trên. T đồng ý và điều khiển xe mô tô quay lại dừng cách đầu xe ô tô khoảng 1,5 mét, còn K đi đến vị trí chiếc bình ắc quy của xe ô tô, dùng tay phải vặn ốc vít tháo thanh bảo vệ ắc quy và tháo hai đầu dây điện của ắc quy nối với xe, rồi dùng hai tay kéo chiếc ắc quy ra khỏi giá đỡ. Sau đó, K đặt chiếc ắc quy trộm cắp được lên xe mô tô T đang nổ máy chờ sẵn, rồi về nhà T. K bảo với T để K mang chiếc ắc quy về nhà, bán được bao nhiêu tiền sẽ chia đôi. Sau đó, K một mình chở chiếc ắc quy trộm cắp được về nhà cất giấu. (Các bút lục số 123-136, 141-164, 197-210, 232-247)

Ngày 03/3/2020, chị N T H và anh V M H đến Công an thành phố C trình báo sự việc. (Bút lục 264, 276)

Khoảng 02 giờ ngày 04/3/2020, khi K và T đang đi xe mô tô và mang theo một số vật dụng để tìm chỗ trộm cắp tài sản thì bị Công an thành phố C kiểm tra hành chính nên K và T đã chủ động khai nhận hành vi trộm cắp trước đó. Thu giữ của K: 01 điện thoại di động Mobell M529, lắp sim số 0339.880.201; 01 con dao quắm; 01 chiếc tuốc nơ vít; 06 chiếc cờ lê; 01 chiếc mỏ lết; 01 chiếc kéo; 01 chiếc kim; 01 chiếc búa; 01 chiếc văm; 01 xe mô tô Honda Wave, biển số 30H8-0642. Thu giữ của T: 01 điện thoại di động Masstel IZI206, lắp sim số 0357.731.235; 01 dây kim loại. (Bút lục số 94)

Khám nghiệm hiện trường tại tổ 4, khu N T, phường C, thành phố C: Thu giữ 05 mảnh kính vỡ dạng hạt ngô. Thu giữ tại nhà V M K tại tổ 5, khu 7A, phường Cẩm Thịnh, thành phố C 01 chiếc ắc quy ô tô nhãn hiệu Đồng Nai CMF 31800, hãng sản xuất Pinaco. (Bút lục số 52, 53, 167)

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-H ĐĐGTX ngày 05/3/2020 và số 13/KL-HĐĐGTX ngày 09/3/2020, của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận:

- 01 chiếc ắc quy ô tô nhãn hiệu Đồng Nai CMF 31800, loại khô, điện áp 12V-100Ah do hãng Pinaco sản xuất, kích thước (33x17,1x21,5)cm đã qua sử dụng, mua mới 100% tháng 10/2019, giá định giá là: 1.700.000 đồng;

- 01 tấm kính chắn gió bên ghế phụ có kích thước (1,2x0,8)m của xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại xe có mui, biển số đăng ký 14C-155.18, xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2014, giá định giá là: 1.505.700 đồng. (Bút lục số 45, 48)

Đến ngày 19/3/2020, N P H đến Công an thành phố C đầu thú. Quá trình điều tra, V M K, P V K và N P H đều khai nhận hành vi phạm tội như trên và có lời khai phù hợp nhau.

Tại phiên tòa, bị cáo V M K khai nhận bị cáo và N P H và P V K là bạn quen biết ngoài xã hội và đều là người sử dụng ma túy. Khoảng 9 giờ ngày 05/1/2020 H đến rủ bị cáo đi lang thang nếu có cơ hội sẽ trộm cắp tài sản bán lấy tiền. Bị cáo đồng ý và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 30H – 0642 chở H đi. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo và H khi đi đến Quốc lộ 18 A thuộc phường C, thành phố C, đối diện nhà hàng H T, thì thấy xe ô tô tải sau này bị cáo biết là của chị N T H đỗ ở lề đường không có người trông coi. Bị cáo dừng xe lại rồi đi đến nhìn qua ô kính chắn gió ở cửa lên xuống bên phải của ca bin thấy ở ghế phụ trong ca bin thấy một túi xách nữ. Khi đó bị cáo nảy sinh ý định dùng đá ném vỡ kính để lấy tài sản. Sau khi bị cáo ném đá làm kính xe bị vỡ, phát ra tiếng động lớn làm H giật mình hô lên, bị cáo tưởng bị phát hiện đã chạy lại điều khiển xe chở H bỏ chạy, khi thấy không bị ai phát hiện, bị cáo bảo H quay lại lấy túi xách. Sau khi H lấy được túi xách, bị cáo chở H ra bãi đất trống thuộc khu Bến Do, tại đây bị cáo và H kiểm tra túi xách có số tiền 650.000đồng, 20 chiếc thẻ nạp cước điện thoại Vinaphone loại mệnh giá 50.000đồng, một chiếc ví nữ giả da màu đen, một số giấy tờ cá nhân và đồ trang điểm phụ nữ. Bị cáo giữ lại số tiền 650.000đồng cùng 20 chiếc thẻ nạp cước điện thoại còn chiếc túi xách và những tài sản còn lại bị cáo vứt lại đó. Bị cáo và H đã mang 20 thẻ nạp cước điện thoại đến cửa hàng cầm đồ X T ở tổ 2, khu 5b, phường C, thành phố C, tỉnh Q bán cho anh B V D lấy 800.000đ rồi bị cáo chia cho H số tiền 725.000đồng từ số tiền bán thẻ điện thoại và tiền trộm cắp được, bị cáo đã ăn tiêu hết số tiền này. Khoảng 14 giờ ngày 28/02/2010 bị cáo đi cùng P V K đi uống thuốc Methadol tại trung tâm y tế ở phường C T, trên đường về, P V K là người điều khiển xe mô tô 30H8- 0642 của bị cáo. Khi đi đến đoạn ngõ thuộc tổ 1, khu M H, phường C, thành phố C, tỉnh Q bị cáo nhìn thấy xe ô tô tải nhãn hiệu Kia đang đỗ tại lề ngõ và không có người

trông coi. Bị cáo bảo T cảnh giới để bị cáo trộm cắp bình ắc quy gắn ở gầm sườn trái xe ô tô tải. T đã ngồi lại xe mô tô đứng cách đầu xe tải khoảng 1,5m để cảnh giới cho bị cáo, bị cáo dùng tay tháo rời các ốc vít nối giữ bình ắc quy với giá đỡ ở gầm xe ô tô, bị cáo là người bê chiếc bình ắc quy ra chiếc xe mô tô T đang chờ, sau đó T chở bị cáo về nhà T, bị cáo chở bình ắc quy về nhà cất giấu, bị cáo cũng nói với T khi nào bán được bình ắc quy này sẽ chia tiền cho T.

Tiếp đó, khoảng 02 giờ ngày 04/3/2020, T gọi điện rủ bị cáo đi trộm cắp tài sản, bị cáo đồng ý, khoảng 2 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo dùng chiếc xe mô tô 30H8- 0642 chở T đi lang thang ở đoạn đường dân sinh tổ 7, khu D T, phường C, thành phố C nhằm tìm xem có ai sở hữu tài sản gì sẽ trộm cắp thì bị công an phường C đi tuần tra phát hiện, kiểm tra và đã tạm giữ những đồ vật mà bị cáo và T mang theo như cáo trạng mô tả. Số đồ vật bị cáo và T mang theo mục đích là để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, nhưng chưa kịp thực hiện thì bị phát hiện, bị thu giữ.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 30H – 0642 bị cáo sử dụng đi trộm cắp là của mẹ bị cáo là bà Đ T N, mẹ bị cáo không biết việc bị cáo dùng xe để thực hiện hành vi trộm cắp, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL M529 màu đen là của bị cáo sử dụng hàng ngày. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) là số tiền chị H đã chi trả thực tế khi sửa chữa thay thế chiếc kính chắn gió mà bị cáo đã đập vỡ.

Tại phiên tòa bị cáo N P H khai nhận, bị cáo là người rủ K đi trộm cắp tài sản vào ngày 05/01/2020. Về việc thực hiện hành vi trộm cắp chiếc túi xách của chị N T H đúng như lời khai của bị cáo K, khi phát hiện chiếc xe tải đỗ bên lề đường không có người trông coi, K dùng xe một mình đi đến quan sát, khi K dùng đá ném kính xe ô tô bị cáo không biết, khi nghe tiếng kính vỡ bị cáo giật mình hô to thì K chạy đến chở bị cáo bỏ chạy, khi biết không bị ai phát hiện, K quay xe lại và bảo bị cáo đến lấy tài sản. Bị cáo đã thò tay rút chốt, mở cửa xe rồi lấy chiếc túi xách của chị H, bị cáo và K cùng nhau kiểm tra túi xách của chị H, sau khi bán 20 chiếc thẻ cào điện thoại được 800.000đồng, K chia cho bị cáo 725.000đồng, bị cáo đã chi tiêu hết số tiền này. Ngày 19/3/2020 khi biết hành vi của mình bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú khai báo hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo P V K khai nhận: Hồi 14 giờ ngày 28/02/2020 bị cáo và K sau khi đi uống methadone, trên đường về bị cáo đã đứng cảnh giới cho K để K thực hiện hành vi trộm cắp chiếc bình ắc quy của một xe ô tô tải đỗ tại đường dân sinh thuộc phường C. K có nói với bị cáo sẽ chia tiền cho bị cáo khi K bán được chiếc bình ắc quy này. Ngày 04/3/2020 bị cáo gọi điện rủ K đi lang thang, có mang theo một số đồ vật như cáo trạng mô tả, mục đích là để thấy có ai sở hữu thì trộm cắp tài sản, chưa kịp thực hiện thì bị phát hiện.

Bị hại chị N T H vắng mặt tại phiên Tòa, nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện: Chị là chủ sở hữu xe ô tô tải nhãn hiệu Kia THACO biển kiểm soát

14C- 155.18. Khoảng 7 giờ ngày 05/01/2020 chị cùng chồng là P V C và con gái điều khiển xe từ nhà ở T Y đến nhà hàng H T thuộc phường C, thành phố C dự đám cưới. Chị đỗ xe trước cửa nhà cháu gái tại tổ 4, khu N T, phường C, thành phố C, sau đó cả nhà vào nhà hàng để dự đám cưới. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày khi dự đám cưới xong và đi bộ đến chỗ đỗ xe để đi về thì phát hiện kính chắn gió ghế phụ xe ô tô bị đập phá, thấy vậy chị mở cửa xe để kiểm tra thì phát hiện bị mất 01 túi xách bên trong có 650.000đồng tiền mặt, 20 chiếc thẻ nạp cước điện thoại Vinaphone loại mệnh giá 50.000đồng, một chiếc ví nữ giả da màu đen, một số giấy tờ cá nhân và đồ trang điểm phụ nữ. Tại cơ quan điều tra chị H có quan điểm số tiền 650.000đồng và 20 thẻ nạp cước điện thoại mệnh giá 50.000đồng chị yêu cầu bị cáo K, H phải bồi thường cho chị tổng giá trị là 1.650.000đồng; còn đối với 01 chiếc túi xách, 01 chiếc ví giả da, đồ trang điểm và một số giấy tờ cá nhân mặc dù không thu hồi được nhưng chị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Đối với chiếc kính chắn gió bị K đập vỡ, thực tế chị đã sửa chữa hết số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), chị yêu cầu K phải bồi thường cho chị số tiền này.

Bị hại là anh V M H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị P T T đều vắng mặt tại phiên Tòa, tại cơ quan điều tra đều có lời khai thể hiện nội dung: chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Kia biển kiểm soát 14C- 27637 là của chị P T T, nhưng anh V M H là người được chị Thuý giao trực tiếp sử dụng và quản lý xe. Ngày 28/02/2020 anh H điều khiển xe đỗ tại ngõ thuộc tổ 1, khu M H, phường C, thành phố C, tỉnh Q thì bị mất cắp chiếc bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai CMF 31800. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V M H chiếc bình ắc quy bị mất cắp, nên anh V M H và chị P T T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh P V C (chồng chị H) vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có quan điểm anh bị mất 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Wave và một thẻ bảo hiểm y tế mang tên anh, giấy tờ này anh có thể làm lại được, anh không yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ T N vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai: Bà là chủ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 30H – 0642 là phương tiện đi lại của gia đình, việc bị cáo K sử dụng chiếc xe trên đi trộm cắp tài sản bà không biết. Hiện bà đã được nhận lại chiếc xe trên từ cơ quan điều tra và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra, anh B V D là người làm chứng trong vụ án có lời khai xác nhận, ngày 05/01/2020 anh có mua của một thanh niên 20 chiếc thẻ nạp cước điện thoại Vinaphone mệnh giá 50.000đồng với giá 800.000đồng, mục đích để sử dụng, nhưng khi cần tiền anh đã bán hết cho người khác.

Tài liệu hồ sơ vụ án còn có các tài liệu khác: Biên bản khám nghiệm hiện trường (Bl 52-53; 60- 61); sơ đồ hiện trường (Bl 54-55; 62- 63); Bản ảnh khám nghiệm hiện trường (Bl 54-59; 64- 66); Bản ảnh trích xuất Camara (Bl 71- 74); Biên bản thực nghiệm điều tra +bản ảnh (Bl 76 – 87); Biên bản nhận dạng (Bl

88-91); Biên bản về việc các bị cáo chỉ dẫn địa điểm nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (BL:172; 217; 256) đều có nội dung phù hợp lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

Tại bản cáo trạng số 103/ CT- VKSCP ngày 12/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố V M K đã phạm vào các tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự; Hành vi của các bị cáo P V K và N P H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa kiểm sát viên trình bày luận tội các bị cáo với đề nghị kết tội các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V M K từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V M K từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2020.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N P H từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo P V K từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; ngoài ra có quan điểm xử lý vật chứng là tài sản đồ vật khác thu giữ trong quá trình điều tra; bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo V M K và N P H khai nhận: Hồi 09 giờ, ngày 05 tháng 01 năm 2020 V M K đã có hành vi đập vỡ, làm hư hỏng 01 kính chắn gió xe ô tô tải biển số 14C-155.18 của chị N T H có trị giá 1.505.700 đồng. Sau khi đập vỡ kính chắn gió của xe ô tô, V M K và N P H đã có hành vi trộm cắp chiếc túi xách bên trong có số tiền 650.000 đồng và 20 chiếc thẻ nạp điện thoại Vinaphone trị giá 1.000.000 đồng của chị N T H. Vào khoảng 13 giờ ngày 28/02/2020, tại khu vực tổ 1, khu Minh Hòa, phường C, thành phố C, V M K và P V K đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc ắc quy trị giá 1.700.000 đồng gắn trên xe ô tô tải biển số 14C-276.37 của anh V M H.

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp thống nhất nhau và còn phù hợp, thống nhất lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án: Biên bản khám nghiệm hiện trường (Bl 52-53; 60- 61); sơ đồ hiện trường (Bl 54-55; 62- 63); Bản ảnh khám nghiệm hiện trường (Bl 54-59; 64- 66); Bản ảnh trích xuất Camara (Bl 71- 74); Biên bản thực nghiệm điều tra +bản ảnh (Bl 76 – 87); Biên bản nhận dạng (Bl 88-91); Biên bản về việc các bị cáo chỉ dẫn địa điểm nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (BL:172; 217; 256); Kết luận định giá tài sản số 12/KL-H ĐĐGTX ngày 05/3/2020 và số 13/KL-HĐĐGTX ngày 09/3/2020 (BL 45,48).

Trên cơ sở các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 05/01/2020, tại khu vực tổ 4, khu N T, phường C, thành phố C, tỉnh Q, V M K đã thực hiện hành vi đập vỡ, làm hư hỏng 01 kính chắn gió xe ô tô tải biển số 14C-155.18 của chị N T H có trị giá 1.505.700 đồng, rồi cùng N P H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tổng trị giá 1.650.000 đồng của chị N T H để trên xe ô tô. Đến khoảng 13 giờ ngày 28/02/2020, tại khu vực tổ 1, khu Minh Hòa, phường C, thành phố C, V M K và P V K đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc ắc quy trên xe ô tô tải biển số 14C-276.37 của anh V M H trị giá 1.700.000 đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo K thực hiện hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” giá trị tài sản trộm cắp, tài sản bị hư hỏng đều dưới 2.000.000 đồng, nhưng do các bị cáo đều có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” ngoài ra bị cáo K còn có tiền án về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, nên hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (tội danh có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm); bị cáo V M K còn phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự (tội danh có khung hình phạt tù phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm). Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đều đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể luật hình sự bảo vệ.

Các bị cáo đều đủ nhận thức biết hành vi “Trộm cắp tài sản” là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn hưởng thành quả lao động của người khác mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo K biết hành vi dùng đá ném vỡ kính chắn gió xe ô tô của chị H là làm hư hỏng tài sản của chị H là vi phạm pháp luật nhưng vì để trộm cắp được tài sản của chị H bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi các bị cáo thực hiện đều diễn ra giữa ban ngày một cách rất ngang nhiên, coi thường pháp luật, đã gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, những hành vi này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự xã hội. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; tự nguyện đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo V M K đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” vào ngày 05/1/2020 và ngày 28/2/2020, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo đều có tiền án, nhưng xác định là yếu tố định tội, nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo N P H và P V K không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Trong vụ án này bị cáo V M K phạm hai tội, các bị cáo N P H, P V K đồng phạm cùng bị cáo K, nên K giữ vai trò đầu vụ.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của chị N T H, do các bị cáo K và H thực hiện, có tính chất đồng phạm, nhưng ở mức độ giản đơn, bị cáo H là người khởi xướng, là người thực hiện; bị cáo K vai trò giúp sức tích cực tạo điều kiện thuận lợi để H thực hiện, nên vai trò của K và H đối với tội phạm này là ngang nhau. Đối với hành vi trộm cắp 01 chiếc ắc quy, do bị cáo K và T thực hiện, trong đó K là người đề xuất là người thực hiện là người quản lý tài sản trộm cắp, T là người cảnh giới vai trò giúp sức đơn giản cho K, K có vai trò cao hơn hẳn so với T. Đối với hành vi làm vỡ kính chắn gió xe ô tô của chị H, do bị cáo K thực hiện và K không bàn bạc với H và H không biết K sẽ đập vỡ kính, nên K phải chịu trách nhiệm độc lập về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong mỗi hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng đối với từng hành vi phạm tội của mỗi bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị N T H yêu cầu bị cáo K phải bồi thường cho chị số tiền thực tế chị thay thế kính chắn gió do K đã đập vỡ là 3.000.000đồng; yêu cầu bị cáo V M K và N P H phải bồi thường cho chị số tiền là 1.650.000đồng (bao gồm 650.000đồng và giá trị 20 chiếc thẻ cào điện thoại); còn chiếc túi xách, ví, đồ trang điểm và giấy tờ cá nhân chị không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo K, bị cáo H chấp nhận yêu cầu này của chị H, nên yêu cầu về bồi thường của chị H được chấp nhận, buộc bị cáo K phải bồi thường cho chị H số tiền 3.825.000đồng (ba triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng), bị cáo H phải bồi thường cho chị H số tiền 825.000đồng (tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Bị hại anh V M H đã được nhận tài sản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh P V C bị mất một giấy tờ, nhưng đều không yêu cầu bồi thường, nên không giải quyết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác là bà Đ T N, xác nhận đã nhận lại chiếc xe mô tô Honda Wave, biển số 30H8-0642, bà không yêu cầu gì khác, nên không đề cập giải quyết.

[8] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô Honda Wave, biển số 30H8-0642; 01 chiếc ắc quy ô tô nhãn hiệu Đồng Nai CMF 31800, đã trả cho chủ sở hữu, là phù hợp, nên không đề cập xử lý. 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Mobell thu giữ của V M K; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của P V K đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho các bị cáo. 01 (Một) Dao quắm bằng kim loại tối màu, 01 (Một) Tuốc nơ vít, 06 (Sáu) cờ lê, 01 (Một) Mỏ lết, 01 (Một) Chiếc kéo, 01 (Một) Chiếc kìm, 01 (Một) Chiếc búa, 01 (Một) Mũi văm hình chữ L, 01 (Một) Dây kim loại dài 2m thu giữ của bị cáo V M K và P V K; 05 (Năm) Mảnh kính bị vỡ thu giữ khi khám nghiệm hiện trường, đều là đồ vật không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo V M K và N P H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Anh B V D là người đã mua số thẻ điện thoại do K và H trộm cắp được của chị H, nhưng do không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo V M K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo V M K phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo V M K 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 9 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp chung hình phạt, buộc bị cáo V M K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2020.

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo N P H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo N P H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo P V K phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo P V K 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu huỷ : 01 (Một) Dao quắm bằng kim loại tối màu, mũi dao được mài cong đã cũ; 01 (Một) Tuốc nơ vít có phần thân dài 15cm, cán tuốc nơ vít bằng nhựa màu đỏ dài 11cm, đã qua sử dụng; 06 (Sáu) cờ lê kích thước như sau: cỡ 24-24, 12-12, 19-19, 17-17, 13-13, 14-14 đã qua sử dụng; 01 (Một) Mỏ lết cỡ 8-200 đã qua sử dụng; 01 (Một) Chiếc kéo phần cán nhựa màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) Chiếc kìm dài 15cm, có tay cầm bằng nhựa màu đen vàng đã qua sử dụng; 01 (Một) Chiếc búa có tay cầm bằng kim loại hình trụ dài 15cm đã qua sử dụng; 01 (Một) Mũi vam hình chữ L có 01 đầu được mài dẹp hai cạnh, đã qua sử dụng; 01 (Một) Dây kim loại dài 2m, một đầu dây được buộc thông lòng dài 1,5m, một đầu dây được gắn với cán dài 0,5m được bọc bằng dây cao su màu đen, đã qua sử dụng; 05 (Năm) mảnh kính bị vỡ.

-Trả cho V M K 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đen, model: M529, số IMEI 1: 810123600148177, số IMEI 2: 810124600148177 kèm 01 sim. Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong

-Trả cho P V K 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, model: izi 206, màu đen, model: A1688, số IMEI: 35824609469182 kèm 01 sim. Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

(Hiện trạng toàn bộ vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 156/BB-THA ngày 09/7/2020 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C).

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; buộc bị cáo V M K phải bồi thường cho chị N T H số tiền 3.825.000 đồng (ba triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng); Bị cáo N P H phải

bồi thường cho chị N T H số tiền 825.000đồng (tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo V M K, N P H và P V K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo V M K và N P H mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị N T H cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo V M K và N P H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Nghĩa vụ bồi thường này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho các bị cáo; bị hại N T H, V M H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh P V C, bà Đ T N, chị N T T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đối với các bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Q;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. C
- CQ CSĐT, CQ THA hình sự Công an TP C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Q;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.C;
- Bị cáo, Bị hại; Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đ T M N

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh Tuấn – Lê Thị Thanh Thủy

Đặng Thị Minh Nga

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đ T M N

Bị cáo K, có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản và 01 tiền án về tội Huỷ hoại tài sản

-Ngày 05/01/2020 K TC tài sản trị giá 1.650.000đ

Và huỷ hoại tài sản trị giá; 1.505.000đ

-Ngày 28/2/2020 K trộm cắp tài sản trị giá 1.700.000đồng

K phạm tội trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 – 173 đã bị kết án..... chưa được xoá án tích và Tội Huỷ hoại tài sản

Hỏi: K có bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần hay không.

VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN BỊ CHIẾM ĐOẠT, BỊ CHIẾM GIỮ TRÁI PHÉP, BỊ SỬ DỤNG TRÁI PHÉP, BỊ HUỖ HOẠI HOẶC BỊ LÀM HƯ HỎNG

5. Trong trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu, nhưng mỗi lần giá trị tài sản bị xâm phạm dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự (gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử phạt hành chính; đã bị kết án nhưng chưa được xoá án tích...), đồng thời trong các hành vi xâm phạm đó chưa có lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính, nếu tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS, thì người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng theo tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm, nếu:

a) Các hành vi xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian.

Ví dụ: Tới ngày 12/11/2001 N V A mang theo một bao tải với mục đích đi trộm cắp tài sản. Lần thứ nhất A vào một gia đình và lấy được 1 chiếc đài cát sét trị giá 200 ngàn đồng bỏ vào bao tải đem giấu ở một bụi cây. Lần thứ hai A vào một gia đình khác lấy được một bộ quần áo trị giá 250 ngàn đồng và bỏ tiếp vào bao tải.

Khi đi ngang qua thấy một chiếc xe đạp trị giá 300 ngàn đồng dựng ở sân của một gia đình khác, A phá khoá và dắt xe đạp ra bỏ bao tải tài sản vừa trộm cắp được lên xe đạp. Khi A đạp xe đi được một đoạn thì bị phát hiện và bị bắt giữ. Trong trường hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 750 ngàn đồng; do đó, A phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

b) Việc thực hiện các hành vi xâm phạm sở hữu có tính chất chuyên nghiệp, lấy tài sản do việc xâm phạm sở hữu mà có làm nguồn sống chính.

Ví dụ: N V B không có nghề nghiệp bỏ nhà đi lang thang với mục đích trộm cắp tài sản. Ngày 15-3-2001 B trộm cắp được một chiếc xe đạp trị giá 300 ngàn đồng đem bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 16-4-2001 B ra bến xe và móc túi được 150 ngàn đồng. Ngày 17-5-2001, B phá khoá cửa của một gia đình vào trộm cắp được một số tài sản trị giá 200 ngàn đồng và bị bắt giữ. Trong trường hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 650 ngàn đồng; do đó, B phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

c) Với mục đích xâm phạm sở hữu, nhưng do điều kiện hoàn cảnh khách quan nên việc xâm phạm sở hữu phải được thực hiện nhiều lần cho nên giá trị tài sản bị xâm phạm mỗi lần dưới 500 ngàn đồng.

Ví dụ: Thấy trong kho X của Nhà máy Z có rất nhiều tài sản, nhưng sợ bảo vệ phát hiện, nên lợi dụng những lúc sơ hở, M vào kho trộm cắp tài sản và dấu vào người. Mỗi lần trộm cắp giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 100 ngàn đến 150 ngàn đồng. M thực hiện đến lần thứ 6 thì bị phát hiện và bị bắt giữ.

Trong trường hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 700 ngàn đồng; do đó, M phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Cần chú ý là trong các trường hợp trên đây nếu chỉ căn cứ vào các hành vi xâm phạm cùng loại này thì không áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" (điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS) và cũng không áp dụng tình tiết định khung hình phạt "có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại khoản 2 của điều luật tương ứng quy định về tội phạm tương ứng đó. Trong trường hợp có tình tiết khác định khung hình phạt thì áp dụng khoản tương ứng của điều luật tương ứng có quy định tình tiết định khung hình phạt đó.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Q;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. C
- Công an TP C, CQ THA hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Q;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.C;
- Bị cáo,
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đ T M N

